

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Xã Đạo Tú, huyện Tam Dương

Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Diên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2013)
Ông Đinh Việt Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Tranh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2013)
Ông Trần Bình Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tranh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2013)
Ông Nguyễn Cao Thắng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2013)
Ông Trần Bình Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Cao Thắng
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Số: 764 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014 từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Thay vì đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của công ty mẹ đã được kiểm toán không so sánh được với số liệu của năm hiện tại, được trình bày cho mục đích thông tin. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1961-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		116.711.525.067	120.307.677.639
I. Tiền	110	5	3.009.604.252	727.382.243
1. Tiền	111		3.009.604.252	727.382.243
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.644.975.410	90.676.106.368
1. Phải thu khách hàng	131		87.075.707.909	92.689.881.709
2. Trả trước cho người bán	132		368.547.689	404.230.910
3. Các khoản phải thu khác	135		203.323.759	303.355.694
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.002.603.947)	(2.721.361.945)
III. Hàng tồn kho	140	6	26.127.615.242	26.852.881.876
1. Hàng tồn kho	141		30.163.670.293	26.852.881.876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.036.055.051)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.929.330.163	2.051.307.152
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.532.671	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.916.797.492	2.051.307.152
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		40.265.253.771	48.448.147.813
I. Tài sản cố định	220		38.098.307.589	41.194.057.152
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	29.468.376.362	35.114.682.296
- Nguyên giá	222		62.890.959.967	63.541.763.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.422.583.605)	(28.427.081.446)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	2.764.492.306	3.366.042.790
- Nguyên giá	225		4.210.853.364	4.210.853.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.446.361.058)	(844.810.574)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5.865.438.921	2.713.332.066
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.166.946.182	7.254.090.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.800.565.738	6.891.139.376
2. Tài sản dài hạn khác	268		366.380.444	362.951.285
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		156.976.778.838	168.755.825.452

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		114.152.836.004	108.136.015.514
I. Nợ ngắn hạn	310		114.152.836.004	106.914.923.805
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	44.197.268.162	46.870.478.679
2. Phải trả người bán	312		37.288.375.990	32.010.323.798
3. Người mua trả tiền trước	313		9.201.878.285	2.837.879.033
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6.949.149.567	11.988.487.889
5. Phải trả người lao động	315		3.538.040.678	6.538.400.522
6. Chi phí phải trả	316		42.000.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	11.141.356.256	5.672.891.385
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.794.767.066	996.462.499
II. Nợ dài hạn	330		-	1.221.091.709
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.221.091.709
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		42.823.942.834	60.619.809.938
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	42.823.942.834	60.619.809.938
1. Vốn điều lệ	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.736.131.836	2.640.228.796
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.868.073.535	1.403.271.251
5. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.414.262.537)	12.942.309.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		156.976.778.838	168.755.825.452

Phượng

Nguyễn Ngọc Phượng
 Phụ trách P.TCKT

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Cao Thắng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	87.995.264.349	237.159.245.350
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		87.995.264.349	237.159.245.350
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		79.377.926.300	180.061.499.702
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.617.338.049	57.097.745.648
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	3.698.415.286	8.383.638.598
6. Chi phí tài chính	22	17	7.192.364.374	9.922.911.103
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.192.364.374	9.922.911.103
7. Chi phí bán hàng	24	18	5.695.791.496	28.618.022.177
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	9.845.285.002	14.813.710.256
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(10.417.687.537)	12.126.740.710
10. Thu nhập khác	31		3.425.000	268.060.411
11. Chi phí khác	32		-	73.561
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.425.000	267.986.850
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(10.414.262.537)	12.394.727.560
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	3.098.681.890
15. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(10.414.262.537)	9.296.045.670
16. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(2.604)	2.324

Phụ

Nguyễn Ngọc Phượng
Phụ trách P.TCKT

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Cao Thắng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(10.414.262.537)	12.394.727.560
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.110.858.496	6.460.245.998
Các khoản dự phòng	03	3.317.297.053	2.305.922.292
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.698.415.286)	(8.383.638.598)
Chi phí lãi vay	06	7.192.364.374	9.922.911.103
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<i>2.507.842.100</i>	<i>22.700.168.355</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.868.436.786	17.469.392.586
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.310.788.417)	45.528.867.365
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.755.157.967	(56.132.676.261)
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.406.541.206	(1.779.604.403)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.192.364.374)	(9.922.911.103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(4.475.237.484)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(834.281.995)	(859.331.150)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>5.200.543.273</i>	<i>12.528.667.905</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.722.434.324)	(2.614.551.139)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.698.415.286	8.383.638.598
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>975.980.962</i>	<i>5.769.087.459</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.507.234.944	119.556.355.671
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.283.852.374)	(134.276.246.750)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.117.684.796)	(1.117.684.796)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.240.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(3.894.302.226)</i>	<i>(18.077.575.875)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.282.222.009	220.179.489
Tiền đầu năm	60	727.382.243	507.202.754
Tiền cuối năm	70	3.009.604.252	727.382.243

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 485.018.000 VND (năm 2012: 0 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền cổ tức trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 3.900.000.000 VND (năm 2012: 4.160.000.000 VND), là số tiền Công ty trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai bằng hình thức bù trừ công nợ và 2.100.000.000 VND (năm 2012: 0 VND) là số tiền Công ty trích cổ tức cho cổ đông khác nhưng chưa chi trả trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Ngọc Phượng
Phụ trách P.TCKT

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Cao Thắng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000500 ngày 11 tháng 6 năm 2008, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất số 2500302820 ngày 03 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 417 (31 tháng 12 năm 2012: 457).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cầu đường, thủy lợi;
- Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống, cống thoát nước;
- Vận tải hàng hóa, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng;
- Sản xuất đá thành phẩm.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và sản xuất công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế và các chi phí lắp đặt, chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Máy móc và thiết bị	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi các tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị

7

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚXã Đạo Tú, huyện Tam Dương
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

5. TIỀN	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	160.270.267	134.939.623
Tiền gửi ngân hàng	2.849.333.985	592.442.620
	<u>3.009.604.252</u>	<u>727.382.243</u>
6. HÀNG TỒN KHO	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.427.955.424	8.761.566.612
Công cụ, dụng cụ	5.780.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.133.499.211	6.140.055.017
Thành phẩm	15.964.351.236	11.104.510.167
Hàng gửi đi bán	632.084.422	846.750.080
	<u>30.163.670.293</u>	<u>26.852.881.876</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(4.036.055.051)</u>	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>26.127.615.242</u>	<u>26.852.881.876</u>

Công ty đã dùng toàn bộ hàng hóa thành phẩm tồn kho báo cáo nhập xuất tồn hàng tháng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 VND, như đã trình bày tại thuyết minh số 11.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	35.728.482.946	19.878.003.845	5.830.872.980	2.104.403.971	63.541.763.742
Mua sắm trong năm	-	37.272.727	-	18.072.742	55.345.469
Giảm theo Thông tư 45	-	(487.591.783)	-	(218.557.461)	(706.149.244)
Tại ngày 31/12/2013	<u>35.728.482.946</u>	<u>19.427.684.789</u>	<u>5.830.872.980</u>	<u>1.903.919.252</u>	<u>62.890.959.967</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	11.083.904.820	12.663.335.412	3.175.415.951	1.504.425.263	28.427.081.446
Trích khấu hao trong năm	2.828.006.171	1.586.062.356	850.447.061	244.792.424	5.509.308.012
Giảm theo Thông tư 45	-	(396.163.961)	-	(117.641.892)	(513.805.853)
Tại ngày 31/12/2013	<u>13.911.910.991</u>	<u>13.853.233.807</u>	<u>4.025.863.012</u>	<u>1.631.575.795</u>	<u>33.422.583.605</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>21.816.571.955</u>	<u>5.574.450.982</u>	<u>1.805.009.968</u>	<u>272.343.457</u>	<u>29.468.376.362</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>24.644.578.126</u>	<u>7.214.668.433</u>	<u>2.655.457.029</u>	<u>599.978.708</u>	<u>35.114.682.296</u>

Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 28.794.515.697 VND (31 tháng 12 năm 2012: 8.058.005.418 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 9.939.210.471 VND (31 tháng 12 năm 2012: 9.309.641.366 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	4.210.853.364
Thuê tài chính trong năm	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.210.853.364</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	844.810.574
Trích khấu hao trong năm	601.550.484
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.446.361.058</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>2.764.492.306</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>3.366.042.790</u></u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Phản ánh chi phí phát sinh cho dự án đầu tư mỏ đá tại thôn Lục Liêu, xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	100%	100%	Khai thác đá

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (i)	24.556.910.885	29.898.476.965
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (ii)	11.953.915.031	10.984.906.018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (iii)	5.266.444.033	3.702.220.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (iv)	1.200.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.219.998.213	2.284.875.696
	<u><u>44.197.268.162</u></u>	<u><u>46.870.478.679</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Ngày 02 tháng 7 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND và phụ lục sửa đổi số 04 ngày 31 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ đỏ của cán bộ Công ty và các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày ở Thuyết minh số 7.
- (ii) Ngày 23 tháng 10 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 9 tháng. Lãi suất cho vay trong năm là 17%/năm (trong đó lãi suất cơ sở là 13%, biên độ cho vay là 4%), lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 và một số các khoản phải thu của bên thế chấp với Công ty CP Bê tông & XD Vinaconex Xuân Mai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản vay đã quá hạn chưa được thanh toán và đang chịu lãi suất quá hạn.
- (iii) Ngày 20 tháng 11 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01.2013.VBSĐBSHĐ ngày 04 tháng 12 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 13,3%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.
- (iv) Ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Thời hạn trả nợ ngày 25 tháng 02 năm 2014. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo từng thời kỳ. Bên vay dùng hàng hóa thành phẩm tồn kho của bên vay theo báo cáo xuất nhập tồn kho hàng tháng để bảo đảm như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.703.794.126	8.585.755.412
Thuế thu nhập cá nhân	146.673.551	304.050.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.098.681.890	3.098.681.890
	6.949.149.567	11.988.487.889

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.088.024.820	857.658.790
Bảo hiểm xã hội	2.451.996.428	214.043.627
Bảo hiểm thất nghiệp	23.358.550	92.123.744
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	3.481.055.336	1.853.739.321
Thưởng ban điều hành	350.000.000	-
Cổ tức năm 2012	2.100.000.000	-
Khác	1.646.921.122	2.655.325.903
	11.141.356.256	5.672.891.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	40.000.000.000	3.634.000.000	2.173.969.177	747.373.626	12.638.572.864	59.193.915.667
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.296.045.670	9.296.045.670
Phân phối lợi nhuận	-	-	466.259.619	655.897.625	-	1.122.157.244
Trích các quỹ	-	-	-	-	(1.933.952.493)	(1.933.952.493)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
Thù lao Ban điều hành và HĐQT Khác	-	-	-	-	(284.000.000)	(284.000.000)
					(374.356.150)	(374.356.150)
Số dư tại ngày 01/01/2013	40.000.000.000	3.634.000.000	2.640.228.796	1.403.271.251	12.942.309.891	60.619.809.938
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(10.414.262.537)	(10.414.262.537)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.095.903.040	464.802.284	-	1.560.705.324
Trích các quỹ	-	-	-	-	(2.490.309.891)	(2.490.309.891)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(6.414.262.537)	42.823.942.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 4, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2013	31/12/2012
			VND	VND
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	26.000.000.000	65%	26.000.000.000	26.000.000.000
Các cổ đông khác	14.000.000.000	35%	14.000.000.000	14.000.000.000
	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	40.000.000.000

Cổ tức và các quỹ

Theo Nghị quyết số 313 NQ/XMĐT-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

Chia cổ tức	6.000.000.000 VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	464.802.284 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.095.903.040 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	929.604.567 VND
Trích quỹ thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	452.000.000 VND

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu sản xuất công nghiệp	86.841.345.465	214.803.493.140
Doanh thu xây lắp	1.153.918.884	22.355.752.210
	87.995.264.349	237.159.245.350

16. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.918.611	23.052.879
Thu lãi chậm thanh toán	3.682.496.675	8.360.585.719
	3.698.415.286	8.383.638.598

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.184.811.829	9.013.077.775
Chi phí lãi chậm thanh toán	1.007.552.545	909.833.328
	7.192.364.374	9.922.911.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	433.185.299	747.904.443
Chi phí vật liệu, sửa chữa	1.587.513.385	2.007.557.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.138.501.164	1.146.966.780
Chi phí vận chuyển	2.443.179.990	24.694.582.296
Chi phí khác	93.411.658	21.011.307
	5.695.791.496	28.618.022.177

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.473.557.529	6.694.260.507
Chi phí nhiên liệu, sửa chữa	1.099.691.930	1.458.833.275
Chi phí công cụ, dụng cụ	378.664.911	566.067.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.712.892	480.472.071
Thuế, phí và lệ phí	490.357.818	429.927.976
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(718.757.998)	2.586.094.445
Chi phí khác	2.774.057.920	2.598.054.815
	9.845.285.002	14.813.710.256

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.440.275.807	98.335.714.387
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.937.057.104	4.176.747.455
Chi phí nhân công	20.183.997.183	32.975.165.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.110.858.496	6.460.245.998
Chi phí máy thi công	351.023.275	4.153.095.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.443.179.990	24.694.582.296
Chi phí khác	6.091.230.548	10.919.396.321
	99.557.622.403	181.714.947.034

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(10.414.262.537)	12.394.727.560
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	234.702.395	-
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	(10.179.560.142)	12.394.727.560
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.098.681.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	3.098.681.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.414.262.537)	9.296.045.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.604)	2.324

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	406.927.976	406.927.976

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	406.927.976	406.927.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.627.711.904	1.627.711.904
Sau năm năm	8.003.381.391	8.410.309.367
	<u>10.038.021.271</u>	<u>10.444.949.247</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 111.793,4 m² đất tại xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc với giá thuê là 3.640 VND/m²/năm (giá thuê này được ổn định trong vòng 5 năm kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2010 đến ngày 04 tháng 10 năm 2015). Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 27 năm 10 tháng, kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2010 đến ngày 28 tháng 8 năm 2038.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, trừ đi tiền), và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	44.197.268.162	48.091.570.388
Trừ: Tiền	3.009.604.252	727.382.243
Nợ thuần	41.187.663.910	47.364.188.145
Vốn chủ sở hữu	42.823.942.834	60.619.809.938
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,96</u>	<u>0,78</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công cụ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	3.009.604.252	727.382.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.276.427.721	90.271.875.458
Tài sản tài chính khác	366.380.444	362.951.285
Tổng cộng	88.652.412.417	91.362.208.986
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	44.197.268.162	48.091.570.388
Phải trả người bán và phải trả khác	45.954.377.268	37.377.047.812
Chi phí phải trả	42.000.000	-
Tổng cộng	90.193.645.430	85.468.618.200

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền	3.009.604.252	-	3.009.604.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.276.427.721	-	85.276.427.721
Tài sản tài chính khác	-	366.380.444	366.380.444
Tổng cộng	88.286.031.973	366.380.444	88.652.412.417
Các khoản vay	44.197.268.162	-	44.197.268.162
Phải trả người bán và phải trả khác	45.954.377.268	-	45.954.377.268
Chi phí phải trả	42.000.000	-	42.000.000
Tổng cộng	90.193.645.430	-	90.193.645.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.907.613.457)	366.380.444	(1.541.233.013)
31/12/2012			
Tiền	727.382.243	-	727.382.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.271.875.458	-	90.271.875.458
Tài sản tài chính khác	-	362.951.285	362.951.285
Tổng cộng	90.999.257.701	362.951.285	91.362.208.986
Các khoản vay	46.870.478.679	1.221.091.709	48.091.570.388
Phải trả người bán và phải trả khác	37.377.047.812	-	37.377.047.812
Tổng cộng	84.247.526.491	1.221.091.709	85.468.618.200
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.751.731.210	(858.140.424)	5.893.590.786

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚXã Đạo Tú, huyện Tam Dương
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai
 Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông
 Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai
 Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai
 Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai
 Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai

Công ty mẹ
 Chi nhánh Công ty mẹ
 Chi nhánh Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	65.497.488.125	156.528.327.827
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	9.485.196.767	66.485.941.526
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	-	966.627.524
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	104.390.400	69.025.702
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	454.823.259	682.661.320
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	55.163.636	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	25.491.709.264	53.760.934.790
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	134.402.750	103.205.854
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	518.830.380	598.126.399
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	162.205.093	2.071.971.117
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	872.794.313	8.291.241.102
Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	3.682.496.675	8.335.480.298
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	-	25.105.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	96.925.122	289.853.574
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	273.520.723	486.047.142
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	-	89.824.561
Chi cổ tức	-	6.400.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	673.914.731	739.600.091

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	83.275.457.449	80.973.200.179
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	-	9.357.650.070
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	12.471.910.487	560.474.590
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	-	110.217.783
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	788.870.017	4.498.340.185
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	4.490.881.399	1.698.886.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính của công ty mẹ đã được kiểm toán không so sánh được với số liệu của năm hiện tại, được trình bày cho mục đích thông tin.



Nguyễn Ngọc Phượng
Phụ trách P.TCKT

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Cao Thắng
Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2014 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750